

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
2. Mã chứng khoán: TTE
3. Địa chỉ trụ sở chính: 507 đường Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam
4. Điện thoại: (02367) 109.886
5. Website: dientruongthinh.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Như Hoa
7. Chức vụ: Người được ủy quyền công bố thông tin – Thư ký HĐQT

Loại hình công bố thông tin:

định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 14/04/2022 tại đường dẫn www.dientruongthinh.vn.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2021;
- Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021



TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI UQ CBTT

NGUYỄN THỊ NHƯ HOA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TÊN CÔNG TY : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

NĂM BÁO CÁO: 2021

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng Trường Thịnh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6101177237
- Vốn điều lệ: 284.904.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 284.904.000.000 đồng
- Địa chỉ: 507 đường Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.
- Điện thoại: (0236) 710 9886
- Website: dientruongthinh.vn
- Mã cổ phiếu: TTE
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (TTE) tiền thân là Nhà máy Thủy điện Đăk Ne và được tách ra từ Công ty cổ phần Tấn Phát. TTE được đăng ký lần đầu ngày 21/05/2014 với tên gọi là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne và vốn điều lệ 25.384.000.000 đồng.

Tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 25.384.000.000 đồng lên 83.384.000.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Tháng 5 năm 2016, ông Hồ Ngọc Sung đã không còn là cổ đông sáng lập Công ty và thay thế là ông Nguyễn Văn Quân. Công ty đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp lần 2 do thay đổi cổ đông sáng lập vào ngày 16/5/2016.

* Tháng 6 năm 2016, Công ty đã thực hiện thành công tăng vốn lần thứ 2 nâng mức vốn điều lệ lên 253.904.000.000 đồng, theo hình thức hoán đổi cổ phần lấy phần vốn góp tại Công ty TNHH Trung Việt, nắm giữ 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt qua đó tham gia đầu tư, vận hành và kinh doanh các nhà máy điện Đăk Pia, thủy điện Đăk Bla1.

Đến tháng 8/2016, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu và chào bán cho các cổ đông hiện hữu nâng mức vốn điều lệ lên 284.904.000.000 đồng.

Công ty đã sử dụng nguồn tiền từ việc tăng vốn này để mua lại nhà máy Tà Vi vào tháng 12/2016 và chính thức đưa nhà máy vào hoạt động từ tháng 1/2017.

Tháng 8/2017, Công ty hoàn tất đổi tên từ Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne thành Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh.

Ngày 26/11/2018 Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM đã chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu TTE lên sàn chứng khoán. Ngày 10/12/2018 được sự đồng ý của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh chính thức niêm yết 28.490.400 cổ phiếu với mã chứng khoán TTE ở mức giá 13.500đ/cp.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh đang trực tiếp vận hành 04 nhà máy thủy điện với tổng công suất phát điện là 28,3 MW/h, tổng sản lượng điện bình quân hàng năm phát ra khoảng 176,6 triệu kwh, cụ thể như sau: Nhà máy thủy điện Đăk Ne (8,1 MW); nhà máy Thủy điện Tà Vi (3,0 MW) nhà máy thủy điện Đăk Pia (2,2 MW) và nhà máy thủy điện Đăk Bla1 (15 MW).

Các sự kiện khác: Không

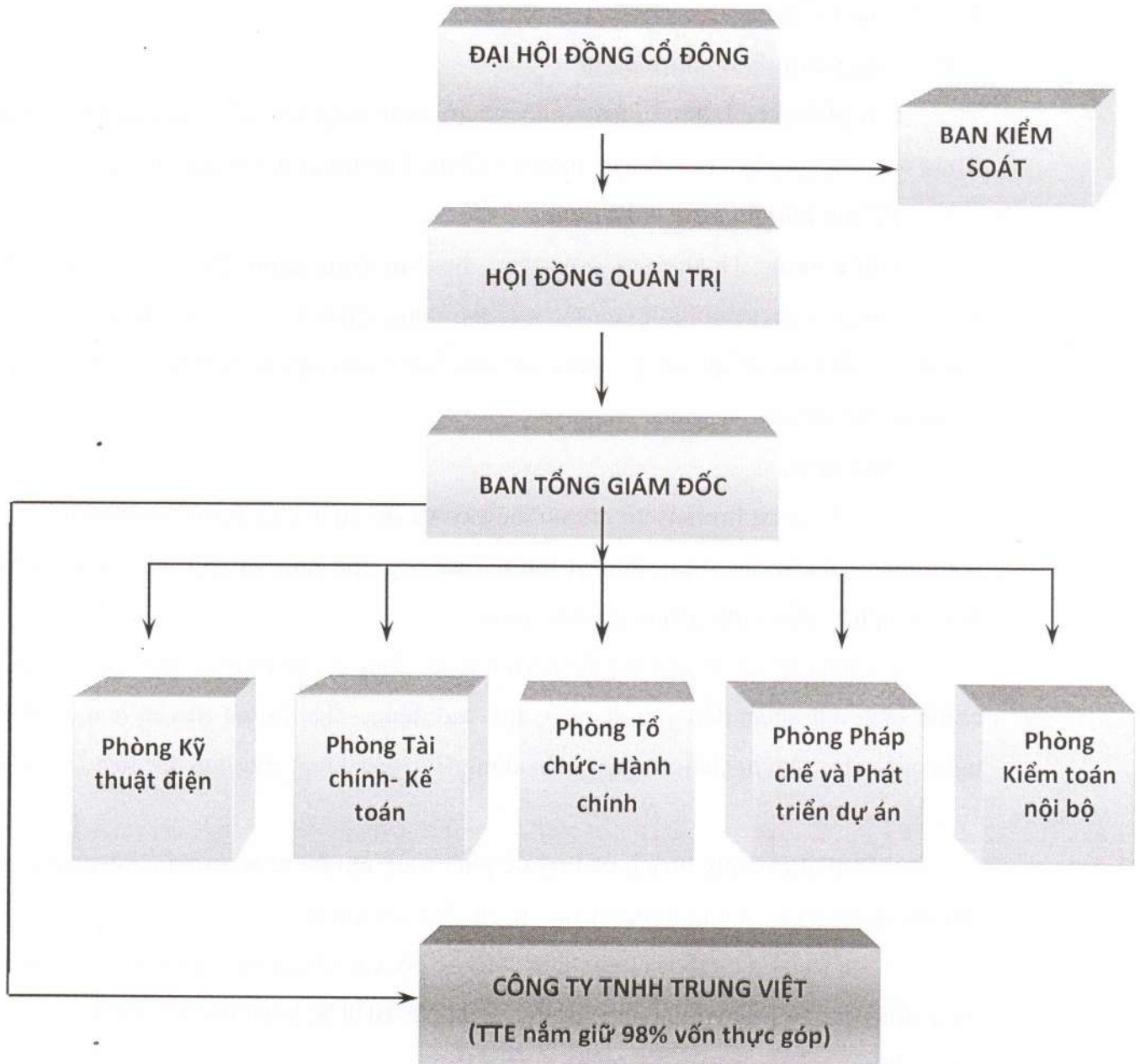
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Địa bàn kinh doanh chính: Tỉnh Kon Tum và Quảng Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Biểu 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

❖ Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng phòng ban nghiệp vụ là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được

Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng ban, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do phòng ban mình phụ trách, cụ thể:

▪ **Phòng Hành chính – Tổ chức:**

Chức năng: Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân Nhân sự theo luật và quy chế công ty.

Nhiệm vụ

- Xây dựng bộ máy tổ chức Công ty và đề xuất việc bố trí, điều động, phân công nhân sự cho các Ban, đơn vị thuộc Công ty phù hợp và đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển kinh doanh của Công ty.

- Quản lý hồ sơ cán bộ nhân viên toàn Công ty, giải quyết thủ tục và chế độ chính sách liên quan đến vấn đề nhân sự - lao động - tiền lương (tuyển dụng, HDLD, nghỉ việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, điều động, thi đua khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu v.v...).

- Xây dựng quy hoạch cán bộ để phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng trình độ cấp bậc kỹ thuật...

- Rà soát và kiểm tra thực hiện các chế độ, các chính sách xã hội và chính sách khác đối với người lao động như: BHXH, BHYT, BHTN, khen thưởng, kỷ luật,...

▪ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

Chức năng: Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác kế toán tài chính của công ty và thực hiện quản lý tài chính trong hoạt động kinh doanh và đầu tư đem lại hiệu quả cao nhất.

Nhiệm vụ

a. Thực hiện công tác tài chính

- Xây dựng kế hoạch tài chính tuần, tháng, quý, năm theo kế hoạch hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty trình HĐQT

- Lập kế hoạch huy động vốn, đầu tư tài chính cân đối các nguồn phù hợp với tình hình hoạt động của công ty từng giai đoạn thực hiện dự án.

- Đề xuất các phương án sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn.

- Thực hiện các thủ tục huy động vốn, vay tín dụng, vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

- Chủ trì và phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan xây dựng quy chế về quản lý và chi tiêu đúng quy định.

- Giám sát thực hiện thu-chi, tổng hợp và báo cáo quyết toán thu chi liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Tổng hợp phân tích kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty; đề xuất các biện pháp quản lý tài chính thích hợp trong hoạt động đầu tư của Công ty.

b. Thực hiện công tác kế toán thống kê

- Mở sổ sách kế toán theo đúng quy định của Luật Kế toán. Thực hiện công tác báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính theo định kỳ.

- Quản lý mọi khoản thu chi, thanh toán tiền lương, các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty.

- Lập sổ theo dõi thu nhập cá nhân và tính thu nộp thuế TNCN.

- Tính toán trích nộp đầy đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo luật định;

- Tổ chức thực hiện chi trả cổ tức theo đúng Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, chi trả vốn vay, lãi vay theo quy định.

- Đề xuất phương án nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản của Công ty.

- Thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo đúng quy định của pháp luật. Đề xuất trích lập các quỹ trình HĐQT, TGD Công ty quyết định.

- Thực hiện sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán theo yêu cầu của HĐQT, TGD Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành.

- Tổ chức kiểm kê tài sản theo định kỳ hàng năm; thực hiện đánh giá lại tài sản Công ty theo quy định của Nhà nước và trong trường hợp cần thiết.

- Theo dõi đôn đốc việc thực hiện quyết toán các hợp đồng kinh tế của Công ty và các công nợ. Đề xuất phương án thu hồi và xử lý những khoản nợ tồn đọng.

- Lưu giữ, bảo quản hồ sơ hình thành trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của phòng theo đúng quy định bảo mật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Giám đốc .

- **Phòng Kỹ thuật điện**

Chức năng: Giúp việc cho Ban Tổng giám đốc và các Ban quản lý dự án về chuyên môn khi triển khai dự án.

Nhiệm vụ:

- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc.
- Tham gia vào công tác khảo sát và thiết kế, lập hồ sơ dự án.
- Tham gia thẩm tra, thẩm định và phê duyệt hồ sơ dự án.
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác lựa chọn nhà thầu.
- Phối hợp với các Ban quản lý dự án về các công tác xử lý kỹ thuật tại hiện trường.
- Quản lý, nghiệm thu kỹ thuật các giai đoạn và hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.
- Quản lý công tác kiểm định, bảo hành, bảo trì và sự cố giai đoạn khai thác công trình.

- **Phòng Kiểm toán nội bộ**

Chức năng: Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, KTNB đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các kiến nghị về các nội dung sau đây:

- a) Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Công ty;
- b) Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của Công ty đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao;
- c) Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà Công ty đạt được.

Nhiệm vụ

a) Đưa ra đảm bảo thông qua việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm giúp Công ty đạt được các mục tiêu chiến lược, hoạt động, tuân thủ và tài chính:

- i. Theo dõi và đánh giá các quy trình quản trị.
- ii. Theo dõi và đánh giá hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro của doanh nghiệp.

iii. Đánh giá rủi ro liên quan đến việc đạt được các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.

iv. Đánh giá các hệ thống được thiết lập để đảm bảo tuân thủ các chính sách, kế hoạch, thủ tục, luật pháp, chế độ tài chính, kế toán và quy định có thể có tác động đáng kể đến doanh nghiệp.

v. Kiểm tra và xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt.

vi. Đánh giá các phương tiện bảo vệ tài sản và xác minh sự hiện hữu của các tài sản đó khi cần.

vii. Báo cáo các rủi ro đáng kể và các vấn đề kiểm soát bao gồm rủi ro gian lận, vấn đề quản trị và các vấn đề khác cần thiết hoặc theo yêu cầu của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị.

b) Đưa ra các phân tích chuyên sâu và các kiến nghị dựa trên đánh giá dữ liệu và các quy trình của doanh nghiệp:

i. Đánh giá độ tin cậy và tính toàn vẹn của hệ thống thông tin quản lý và các phương tiện được sử dụng để xác định, đo lường, phân loại và báo cáo thông tin đó.

ii. Phân tích các hoạt động hoặc chương trình để xác định kết quả có phù hợp với mục tiêu và mục đích đã thiết lập không.

iii. Đánh giá các hoạt động hoặc chương trình có được thực hiện theo kế hoạch không.

iv. Đánh giá hiệu quả và hiệu suất sử dụng các nguồn lực.

c) Đưa ra các tư vấn, kiến nghị một cách độc lập khách quan: Thực hiện các hoạt động tư vấn liên quan đến quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ phù hợp với Công ty.

d) Thực hiện kiểm toán trước: được thực hiện trước khi diễn ra việc thực hiện các dự án, chương trình kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán, nhằm đánh giá độ tin cậy của các thông tin, tài liệu, tính kinh tế, tính khả thi và hiệu quả của dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động; giúp các cấp quản lý có được những thông tin tin cậy để đưa ra các quyết định.

e) Thực hiện kiểm toán đồng thời: được thực hiện trong khi việc thực hiện các dự án, chương trình kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán đang diễn ra, nhằm đánh giá tiến độ, chất lượng quá trình thực hiện hoạt động; phát hiện và kiến

ngộ kịp thời các biện pháp sửa chữa những sai lệch, thiếu sót, yếu kém trong quá trình thực hiện dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động, nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất các mục tiêu của dự án, kế hoạch của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.

f) Thực hiện kiểm toán sau: được thực hiện sau khi việc thực hiện dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán đã hoàn thành, nhằm thực hiện các nội dung, mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với hoạt động của bộ phận được kiểm toán.

g) Tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

h) Báo cáo định kỳ về mục đích, quyền hạn, trách nhiệm và hiệu suất của bộ phận KTNB liên quan đến kế hoạch của bộ phận.

i) Kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị.

k) Tùy thuộc vào đối tượng kiểm toán, khi lập kế hoạch KTNB có thể kết hợp cả kiểm toán trước, kiểm toán đồng thời và kiểm toán sau.

Phòng Pháp chế và Phát triển dự án

Chức năng: Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác đảm bảo về mặt pháp lý cho doanh nghiệp, thường được xếp vào là một bộ phận thuộc khối các phòng, ban có chức năng hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhiệm vụ

- Tư vấn và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến thành lập doanh nghiệp, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, sáp nhập doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp...theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tham mưu cho các Phòng, Ban đối với các Hợp đồng kinh tế do các Phòng, Ban trực tiếp thực hiện.

- Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, chuyển các Phòng, Ban có liên quan.

- Tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ tụng hành chính, dân sự.

- Kiểm tra và xử lý các văn bản của các cơ quan, ban ngành liên quan đến các dự án theo quy định của pháp luật khi được phân công.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con:

- **Tên: Công ty trách nhiệm hữu hạn Trung Việt**

- Địa chỉ: 507 đường Duy Tân, phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất, phân phối và truyền tải điện

- Vốn điều lệ: 239.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 98%

+ Công ty liên kết:

❖ Công ty Cổ Phần Thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi

- Địa chỉ: Số nhà 48, Tổ dân phố 6, Phường Thanh Bình, TP.Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất, phân phối và truyền tải điện

- Vốn điều lệ: 125.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 38,4%

❖ Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Đá Đen

- Địa chỉ: 54 Nguyễn Bình Khiêm, Phường 8, TP.Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất, phân phối và truyền tải điện

- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 43%

❖ Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng

- Địa chỉ: Thôn 16, Xã Lộc Thành, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất, phân phối và truyền tải điện

- Vốn điều lệ: 172.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 31,18%

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng thủy điện, cung cấp ngày càng nhiều điện năng, góp phần đảm bảo an ninh, năng lượng quốc gia.

- Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên danh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề trong lĩnh vực năng lượng tái

tạo nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và mang lại lợi ích hài hòa cho cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

4.2. Chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn

- Công ty định hướng lĩnh vực kinh doanh chính là đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo, sản xuất kinh doanh điện, đồng thời tìm kiếm các cơ hội đầu tư các lĩnh vực đúng quy định của pháp luật, có hiệu quả được cổ đông đồng thuận.

- Nâng cao và phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các nhà máy thủy điện mà Công ty đang sở hữu, khai thác bằng cách nâng cao trình độ, trách nhiệm và sự gắn bó của người lao động, đồng thời phối hợp, liên kết tốt với các đơn vị có liên quan và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, chính sách xã hội.

- Quản lý công tác vận hành an toàn, liên tục đạt được sản lượng và doanh thu cao. Thực hiện xử lý các sự cố kịp thời, bảo dưỡng đúng định kỳ để các tổ máy luôn hoạt động hiệu quả

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Công ty luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với môi trường, cộng đồng và xã hội. Sau đây là mục tiêu cụ thể của Công ty đối với môi trường và xã hội.

➤ Đối với môi trường

Công ty đã thực hiện đúng giám sát chất lượng môi trường định kỳ và đột xuất, báo cáo kết quả tới cơ quan liên quan theo đúng quy định; tạo cảnh quang, cây xanh, môi trường lành mạnh trong các khuôn viên quản lý.

Không ngừng phân tích đánh giá tình hình môi trường hiện tại để có các biện pháp ứng phó sự cố bất ngờ tác động đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên đồng thời Công ty luôn đề ra kế hoạch cụ thể xử lý chất thải nguy hại.

➤ Đối với xã hội và cộng đồng

Công ty đã đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế xã hội cho địa phương như: tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người dân địa phương là lao động của Công ty, hỗ trợ và tham gia các chương trình phát triển địa phương, hưởng ứng các hoạt động thiện nguyện do địa phương phát động: Bánh chưng xanh, lá lành đùm lá rách, hội thao địa phương....

5. Các rủi ro

- Không chủ động được sản lượng điện sản xuất do nguồn nước lệ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng và không lường trước được.
- Hiện tại, tập đoàn điện lực là đơn vị thu mua độc quyền của các nhà máy thủy điện ở Việt Nam, do đó có nhiều bất cập như giá bán điện phụ thuộc vào quyết định của EVN nên có nguy cơ giá của EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi hoặc không bù đắp được chi phí đầu tư vào hoạt động sản xuất.
- Trong giai đoạn hiện nay, dưới sự tác động của suy thoái toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, sự suy thoái và khủng hoảng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như ảnh hưởng đến đời sống của người dân và gián tiếp tác động đến sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán...và các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan. Với đặc điểm pháp luật hiện tại chưa hoàn chỉnh, thiếu tính ổn định và không nhất quán, khả năng vẫn có những thay đổi về luật, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế.. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2021

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	% / TH 2020	% / KH 2021
		Giá trị	Giá trị		
1	Sản lượng điện	98.214.742	130.163.761	+33%	108%
2	Doanh thu thuần	112.924.336.282	143.283.066.499	+27%	95%
3	Giá vốn hàng bán	66.461.033.369	51.562.596.119	-22%	73%
4	Chi phí lãi vay	71.057.159.203	68.707.848.202	-3%	113%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(29.198.117.541)	25.886.901.963	+189%	182%
6	Lợi nhuận trước thuế	(30.538.531.248)	25.713.482.957	+184%	181%
7	Lợi nhuận sau thuế	(32.712.353.568)	27.767.900.449	+185%	284%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

- Ông Nguyễn Văn Quân : Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Hữu Điền : Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng

2.2. Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ cổ phần sở hữu

a. Ông Nguyễn Văn Quân – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Số lượng CP sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%
- Quá trình công tác:

Từ 1983 - 1985:	Kỹ thuật viên - Công ty Sông Đà Hòa Bình
Từ 1986 - 1987:	Phó phòng quản lý kỹ thuật - Công ty Sông Đà Hòa Bình Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Trung Việt.
Từ 1988 - 1991	Phó giám đốc Xí nghiệp Hàm 2 – Công ty Sông Đà Hòa Bình
Từ 1992 - 1996	Phó phòng quản lý kỹ thuật – Tổng công ty Sông Đà Hòa Bình tại Miền Trung
Từ 1997 - 2001	Phó giám đốc – Công ty Sông Đà 7
Từ 2001 - 2003	Bí thư Đảng ủy kiêm Phó giám đốc Công ty Sông Đà 10
Từ 2003 - 2012	Tổng giám đốc Công ty CP thủy điện Nậm Chiến
Từ 2012 - 2013	Chủ tịch HĐQT Công ty CP thủy điện Nậm Chiến
Từ 2014 - 2017	Phó giám đốc Ban điều hành Tổng thầu Lai Châu
Từ 2017 - nay	Tổng giám đốc Công ty CP thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi
Từ Tháng 02/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CPĐT

năng lượng Trường Thịnh
Từ Tháng 01/2021 đến nay Tổng giám đốc Công ty CPĐT năng lượng Trường Thịnh
Tổng giám đốc Công ty TNHH Trung Việt

b. Ông Hoàng Hữu Điền – Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kế toán
- Số lượng CP sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%
- Quá trình công tác:

Từ tháng 05/2005 đến 8/2008	Kế toán viên tại CTCP Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Nhà đất
Tháng 09/2008 đến tháng 05/2010	Phó phòng Tài chính kế toán tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Nhà đất
Từ tháng 01/06/2010 đến 28/02/2011	Phụ trách Phòng kế toán dự án tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Nhà đất
Từ tháng 03/2011 đến Tháng 08/2013	Kế toán trưởng tại CTCP Đầu tư Xây dựng công nghiệp đô thị
Từ tháng 09/2013 đến tháng 11/2015	Kế toán trưởng tại CTCP Mangan Việt Bắc (Tập đoàn VID)
Từ tháng 12/2015 đến tháng 06/2018	Chuyên viên kế toán tại CTCP Tập đoàn đầu tư Việt Phương
Từ tháng 04/2016 đến tháng 06/2017	Kiểm nhiệm phụ trách kế toán tại Công ty Cổ phần thủy điện Bảo Nhai (Tập đoàn VPG)
Từ tháng 03/2017 đến tháng 08/2017	Kiểm nhiệm phụ trách kế toán tại Công ty cổ phần khoáng sản Lào Việt (Tập đoàn VPG)
Từ tháng 09/2017 đến tháng 05/2019	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh
Từ tháng 06/2019 đến nay	Kế toán trưởng kiêm Phó Tổng giám đốc Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ngày 04/01/2021, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 01/2021/NQ-TTE về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Ông Trần Quang Chung và bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Quân làm Tổng giám đốc Công ty.

2.4. Cán bộ nhân viên

2.4.1. Số lượng CB-NV tính đến 31/12/2021 : 44 nhân sự

- Công nhân vận hành: 26 người
- Nhân viên văn phòng: 18 người
- Lương bình quân là 8.000.000 đồng/người/tháng

❖ Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty

Bảng 1: Cơ cấu lao động tại Công ty

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng %
Theo trình độ		44	100%
1	Trên đại học	6	13,6%
2	Đại học và Cao đẳng	20	45,5%
3	Trung + Sơ cấp	18	40,9%
Theo giới tính			100%
1	Nam	32	72,7%
2	Nữ	12	27,3%

2.4.2. Các chính sách đối với người lao động:

- Một số chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định Công ty:

+ 100% CBCNV được tham gia bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

+ Bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ và thường xuyên nâng cao chất lượng bảo hộ lao động

+ Tổ chức cho người lao động được tham gia các phong trào văn thể mỹ, hoạt động thể thao của Công ty

+ Chế độ thưởng tháng 13, thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng sáng kiến, tăng lương theo cấp bậc... luôn được áp dụng

+ Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần (quà tặng ngày cưới, ốm đau, hiếu hỉ, học bổng, ngày quốc tế thiếu nhi, rằm trung thu,...)

+ Công ty luôn cố gắng giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước;

- *Chính sách đào tạo nguồn nhân lực:* Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo;

- *Tuyển dụng:* Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng doanh nghiệp.

- *Chính sách lương, thưởng, trợ cấp:* hệ thống lương thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng và luôn tạo điều kiện cho người lao động có chuyên môn cao được hưởng lương tương xứng với cống hiến của họ cho Công ty. Đồng thời tạo động lực thu hút người tài, đáp ứng nguồn nhân lực bền vững của Công ty. Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành quy chế trả lương, trả thưởng cho doanh nghiệp, được Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Kon Tum công nhận. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với hiệu quả lao động, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty luôn thực hiện tốt yêu cầu của Bộ luật lao động. Xây dựng Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể được Sở lao động thương binh và xã hội công nhận. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động như mua Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

3.1.1. Các khoản đầu tư tài chính được thực hiện trong năm:

Tháng 12/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án sử dụng nguồn vốn từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ để đầu tư vào các Công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện (các doanh nghiệp chưa niêm yết trên sàn chứng khoán) có tiềm năng phát điện hiệu quả trong tương lai, cụ thể:

- Công ty đầu tư thông qua việc mua 4.800.000 cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi (MSDN: 5600201638) với mức đầu tư là **52.800.000.000 đồng** (Năm mươi hai tỷ tám trăm tỷ đồng).

- Công ty đầu tư thông qua việc mua 3.870.000 cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen (MSDN: 4400998975) với mức đầu tư là **77.400.000.000 đồng** (Bảy mươi bảy tỷ bốn trăm triệu đồng).

- Công ty đầu tư thông qua việc mua 5.362.500 cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng (MSDN: 5800698745) với mức đầu tư là **85.800.000.000 đồng** (Tám mươi lăm tỷ tám trăm triệu đồng).

- Công ty đầu tư thông qua việc góp thêm vốn nhằm tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt (Công ty con) tương ứng theo tỷ lệ sở hữu với mức đầu tư là **63.700.000.000 đồng** (Sáu mươi ba tỷ bảy trăm triệu đồng).

3.1.2. Tình hình thực hiện các dự án lớn: Không có

3.2. Công ty con, liên kết (đến 31/12/2021)

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Công ty TNHH Trung Việt (Công ty con)	Công ty CP Thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi (Công ty liên kết)	Công ty CP Đầu tư Thủy điện Đá Đen (Công ty liên kết)	Công ty CP Điện Bình Thủy Lâm Đồng (Công ty liên kết)
1. Tổng tài sản	583.154.913.668	419.934.903.524	329.210.626.521	603.905.304.819
2. Vốn điều lệ	239.000.000.000	125.000.000.000	90.000.000.000	172.000.000.000
3. Tỷ lệ sở hữu	98%	38.4%	43%	31.18%
4. Doanh thu thuần	78.397.322.830	4.537.374.476	51.126.411.485	0
5. Giá vốn hàng bán	28.584.898.834	4.716.484.277	32.573.399.315	0
6. Chi phí lãi vay	40.972.985.990	10.474.520.548	20.960.227.337	0
7. Lợi nhuận trước thuế	15.580.841.532	(11.779.327.704)	(2.677.300.149)	(3.940.990.594)
8. Lợi nhuận sau thuế	15.580.841.532	(11.779.327.704)	(2.677.300.149)	(3.940.990.594)

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng (+)/giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	945.258.730.826	1.098.617.835.895	16%
Doanh thu thuần	112.924.336.282	143.283.066.499	+27%
Lợi nhuận gộp	46.463.302.913	91.720.470.380	+97%
Lợi nhuận từ hoạt động kd	(29.198.117.541)	25.886.901.963	+189%
Lợi nhuận trước thuế	(30.538.531.248)	25.713.482.957	+184%
Lợi nhuận sau thuế	(32.712.353.568)	27.767.900.449	+185%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.54	1.08	
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.54	1.07	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	71	73	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	249.3	280.3	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	-	-	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	11.89	13.04	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(28.96)	19.50	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	(12.09)	9.8	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(3.46)	2.54	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(25.85)	18.27	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Cổ phần phổ thông: 28.490.400 cổ phần

- Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 28.490.400 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 28.490.400 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần
I	Tỷ lệ sở hữu	251	28.490.400	100%
1	Cổ đông lớn	04	4.836.900	17%
2	Cổ đông nhỏ	247	23.653.500	83%
II	Cổ đông tổ chức	16	4.714.230	16,5%
1	Trong nước	16	4.714.230	16,5%
2	Nước ngoài	0	0	0%
III	Cổ đông cá nhân	235	23.773.700	83,4%
1	Trong nước	233	23.773.700	83,4%
2	Nước ngoài	02	2.470	0,00%
IV	Nguồn vốn cổ đông			
1	Nhà nước	0	0	0%
2	Cổ đông khác	251	28.490.400	100%
Tổng số		251	28.490.400	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

TTE được đăng ký lần đầu ngày 21/05/2014 với tên gọi là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne và vốn điều lệ 25.384.000.000 đồng.

Tháng 01 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 25.384.000.000 đồng lên 83.384.000.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Tháng 06 năm 2016, Công ty đã thực hiện thành công tăng vốn lần thứ 2 nâng mức vốn điều lệ lên 253.904.000.000 đồng, theo hình thức hoán đổi cổ phần lấy phần vốn góp tại Công ty TNHH Trung Việt, nắm giữ 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt qua đó tham gia đầu tư, vận hành và kinh doanh các nhà máy điện Đắk Pia, thủy điện Đắk Bla 1.

Đến tháng 08 năm 2016, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu và chào bán cho các cổ đông hiện hữu nâng mức vốn điều lệ lên 284.904.000.000 đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác:

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, Ngày 19/10/2021, Hội đồng quản trị đã triển khai phát hành 2.500 trái phiếu; loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, đảm bảo bằng tài sản; mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu; với tổng giá trị là 250.000.000.000 đồng.

Ngày 18/12/2021, TTE báo cáo phát hành thành công 2.499 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu, với tổng giá trị là 249.900.000.000 đồng.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Nhà máy thủy điện là nguồn năng lượng sạch, tái tạo, không phát thải khí nhà kính.

Công ty luôn ý thức trách nhiệm đối với môi trường thông qua công tác thu gom, phân loại chất thải, định kỳ các loại chất thải nguy hại được Công ty môi trường đến tận nơi thu gom. Công ty không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu rủi ro cho môi trường.

Trong năm, Công ty đã thực hiện đúng công tác giám sát chất lượng môi trường định kỳ và đột xuất, báo cáo kết quả tới cơ quan liên quan theo đúng quy định, tạo cảnh quang, cây xanh môi trường lành mạnh trong khuôn viên quản lý.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm:

Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty là lượng nước được điều tiết phục vụ tưới cho nông nghiệp, cung cấp nước cho công nghiệp và sử dụng sinh hoạt cho người dân.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: lượng nước này sau khi qua nhà máy để phát điện được trở về với chính dòng sông cũ, không chuyển hướng và không bị tổn thất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Nhà máy sử dụng điện năng cho hoạt động các thiết bị tự dùng và sinh hoạt CBNV. Lượng điện năng này được cấp từ nguồn điện do nhà máy sản xuất.

6.4. Tiêu thụ nước

6.4.1. Nguồn cung cấp và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp là nước mặt do nguồn nước tự nhiên từ sông suối trong khu vực được tích ở các hồ chứa. Nhà máy thủy điện Đăk ne và Đăk Bla1 sử dụng nguồn nước từ hệ thống sông Đăk Bla, Nhà máy thủy điện Đăk Pia sử dụng nguồn nước từ hệ thống sông Đăk Pia, Nhà máy thủy điện Tà Vi sử dụng nguồn nước từ hệ thống sông Tranh thuộc huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

6.4.2. Tỷ lệ và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về môi trường

- Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

- Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động: Đã nêu ở mục 2.4

6.7. Trách nhiệm với cộng đồng địa phương:

Thời gian qua, Công ty đã có những đóng góp nhất định cho sự nghiệp phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế xã hội cho địa phương như: hỗ trợ, tham gia các chương trình phát triển địa phương, tạo nguồn cung cấp điện ổn định cho khu vực, nhất là việc điều tiết nước của dòng sông vào mùa mưa lũ, tạo điều kiện việc làm cho người dân địa phương, đóng góp hỗ trợ vào các chương trình thiện nguyện do địa phương tổ chức...

6.7. Hoạt động thị trường vốn xanh: Chưa thực hiện

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Về sản lượng điện

Trong năm 2021, sản lượng điện đạt 108% so với kế hoạch và tăng trưởng 33% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân là do thời tiết khu vực miền Trung và Tây nguyên thuận lợi cho công tác phát điện, bên cạnh đó, nhà máy ít xảy ra các sự cố, hư hỏng dẫn đến ngừng phát điện.

1.2. Về doanh thu và lợi nhuận

Trong năm 2021, doanh thu đạt 95% so với kế hoạch và tăng trưởng 27% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 284% so với kế hoạch và tăng trưởng 185% so với cùng kỳ năm 2020.

Để có được sự tăng trưởng trong kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 là do các nguyên nhân sau:

- Tình hình thời tiết năm 2021 khá thuận lợi, lưu lượng nước tại các hồ chứa luôn đạt tỷ lệ đảm bảo để các nhà máy hoạt động liên tục.
- Hoàn nhập chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại từ việc hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư tài chính năm trước.
- Năm 2021 các khoản mục chi phí cũng được tiết giảm tương ứng tỷ lệ giảm 12%.

1.3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm 2021, Công ty xây dựng được phương hướng và chiến lược phát triển kinh doanh vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Các công tác phục vụ sản xuất, nhất là công tác an toàn thiết bị, an toàn lao động, bảo vệ môi trường thực hiện nghiêm chỉnh theo các quy định của pháp luật.

Tuân thủ, phối hợp tốt với đơn vị quản lý vận hành hồ để việc phát điện có sản lượng, doanh thu cao.

2. Tình hình tài chính

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng tài sản	945.258.730.826	1.098.617.835.895	+16%
Nợ phải trả	674.698.737.218	798.989.941.838	+18%

Tổng tài sản năm 2021 tăng 16% so với năm 2020 là do năm 2021, Công ty đã thực hiện cơ cấu đầu tư và M&A một số dự án thông qua việc mua lại cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại các đơn vị như: Huổi Vàng, Thành Bưởi, Đá Đen... đã làm cho tổng tài sản Công ty tăng hơn so với năm 2020.

Nợ phải trả trong năm 2021 tăng 18% so với năm 2019 chủ yếu do việc phát hành trái phiếu để thực hiện đầu tư làm cho tổng nợ phải trả của công ty cũng tăng tương ứng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức quản lý phù hợp với tình hình thị trường. Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định tình hình nhân sự, rà soát và thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả công tác tổ chức quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành để đạt hiệu quả cao nhất.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, nâng cao và phát huy có hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty sẽ tìm kiếm hoặc mua lại các dự án khả thi để thực hiện đầu tư nhằm tăng hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống CBNV, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước. Công ty định hướng lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất và truyền tải điện năng; đồng thời tìm kiếm cơ hội đầu tư các lĩnh vực đúng quy định của pháp luật, có hiệu quả được cổ đông chấp thuận.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Việc sản xuất điện năng của Công ty có chỉ tiêu về môi trường tốt: Không làm tổn thất nước, không chuyển hướng dòng chảy, không làm ô nhiễm nguồn nước, nguồn năng lượng sản xuất vừa tự dùng vừa cung cấp cho xã hội và không phát sinh ra khí thải.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty xây dựng trên nền tảng người lao động là vấn đề then chốt. Công ty thực hiện đầy đủ, tốt các chế độ, chính sách với người lao động, đảm bảo công việc có thu nhập ổn định gắn liền với hiệu quả hoạt động của Công ty, có chính sách giữ chân người lao động làm việc lâu dài.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn chú trọng đến công tác hỗ trợ cộng đồng địa phương. Công ty tham gia tích cực một số công tác xã hội tại địa phương như ủng hộ chương trình Bán chung xanh, Giải bóng đá gây quỹ vì người nghèo của địa phương, ủng hộ gạo cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 đã được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Năm 2021, tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên tương đối thuận lợi cho công tác sản xuất phát điện, do vậy sản lượng điện năm 2021 đã đạt 130.163.761 kWh vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, do có sự thay đổi về cách tính giá trị doanh thu của chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm 2021 so với kết quả doanh thu thực hiện năm 2021 nên mặc dù sản lượng điện vượt chỉ tiêu đề ra nhưng doanh thu không đạt.

Trong năm 2021 nền kinh tế đất nước gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng do đại dịch Covid 19, nhưng đối với Công ty là một năm thành công về hoạt động sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu về tài chính và lợi nhuận đều vượt các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã đề ra.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tự nguyện, nghiêm túc thực hiện đầy đủ, thiết thực các trách nhiệm về môi trường và xã hội được sự đánh giá cao của các đơn vị có liên quan.

Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM theo đúng quy định và đáp ứng đầy đủ, kịp thời các quyền lợi của cổ đông.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Trong năm 2021, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc Công ty được thể hiện như sau:

- Ban Tổng giám đốc đã chủ động nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua thử thách để phát triển, tìm kiếm nhiều cơ hội và hoạt động đầu tư và xây dựng cho Công ty, duy trì bộ máy vận hành ổn định và hiệu quả.

- Chấp hành nghiêm túc về việc thực hiện quy định pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2022, Công ty sẽ tiếp tục giữ vững các hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước mở rộng sản xuất, tiếp tục duy trì cải tiến hệ thống. HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty như sau:

- Duy trì họp HĐQT định kỳ và bất thường để giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, đảm bảo Công ty hoạt động dựa trên tinh thần thượng tôn pháp luật, tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị, xây dựng hình ảnh Công ty minh bạch, rõ ràng, thuận lợi trong công tác điều hành cũng như tăng mức độ tín nhiệm của cổ đông.

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.

- Đầu tư cho công tác quản lý nhân sự, đào tạo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động để góp phần thúc đẩy Công ty phát triển lâu dài và bền vững.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

1.1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Đình Xuân Hoàng	Chủ tịch HĐQT	1.307.719	4,59%
2	Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT	1.250.000	4,39%
3	Nguyễn Văn Quân	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Lê Thị Thu Hường	Thành viên HĐQT độc lập	500	0,00%

1.1.2. Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh tại các công ty khác
1	Đình Xuân Hoàng	Chủ tịch HĐQT	+ Phó TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt phương
2	Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT	+ Chủ tịch HĐQT – Công ty CP phát triển Bất động sản Hà Linh + Thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP
3	Nguyễn Văn Quân	Thành viên HĐQT	+ Tổng Giám Đốc, Công ty cổ phần thủy điện Huổi Vang Thành Bưởi
4	Lê Thị Thu Hường	Thành viên HĐQT độc lập	+ Trợ lý TGD, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương.

1.2. Các tiêu bang của Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, HĐQT Công ty đã họp 17 lần với tỷ lệ thông qua là 100%, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phân công cho từng thành viên và theo nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ Thông qua
1	01/2021/NQ-TTE	04/01/2021	Nghị quyết về việc thay đổi Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty	100%
2	03/2021/NQ-TTE	18/01/2021	Nghị quyết về việc chấp thuận đơn xin từ nhiệm của Ông Trần Quang Chung	100%
3	04/2021/NQ-TTE	19/01/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt chi phí tư vấn của nhà thầu RECCO cho nhà máy thủy điện Tà Vi và Đăk Ne	100%
4	05/2021/NQ-TTE	03/02/2021	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập hồ sơ nước mặt NMTĐ Tà Vi	100%
5	06/2021/NQ-TTE	03/02/2021	Nghị quyết về việc lắp đặt quan trắc NMTĐ Đăk Ne	100%
6	08/2021/NQ-TTE	18/03/2021	Nghị quyết về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
7	09/2021/NQ-TTE	27/03/2021	Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông để tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
8	10/2021/NQ-TTE	29/03/2021	Nghị quyết về việc thay đổi ngày chốt danh sách cổ đông để tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
9	11/2021/NQ-TTE	29/03/2021	Nghị quyết về việc điều chỉnh thời gian hoạt động của NMTĐ Đăk Ne	100%
10	14/2021/NQ-TTE	28/04/2021	Nghị quyết về việc thông qua nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
11	18/2021/NQ-TTE	30/06/2021	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021	100%
12	19/2021/NQ-TTE	29/08/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt gói thầu khắc phục sự cố sau mưa bão NMTĐ Đăk Ne	100%
13	21/2021/NQ-TTE	25/09/2021	Nghị quyết về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021	100%
14	25/2021/NQ-TTE	12/10/2021	Nghị quyết về việc điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021	100%
15	28/2021/NQ-TTE	01/12/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt phương án sử dụng nguồn vốn trái phiếu riêng lẻ năm 2021	100%
16	29/2021/NQ-TTE	01/12/2021	Nghị quyết về việc thành lập Phòng Kiểm toán nội bộ và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ.	100%
17	32/2021/NQ-TTE	22/12/2021	Nghị quyết về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và	100%

			phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (ESOP)	
--	--	--	---	--

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

HĐQT có một thành viên HĐQT độc lập là Bà Lê Thị Thu Hương, tham gia đầy đủ các cuộc họp. Tính độc lập của thành viên HĐQT được thể hiện bằng chính chất lượng của hoạt động đóng góp ý kiến và biểu quyết khi quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Thành viên HĐQT độc lập tham gia vào HĐQT nhằm tăng tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong HĐQT.

1.5. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên Ban kiểm soát và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

TT	Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Hoàng Minh sang	Trưởng ban kiểm soát	0	0%
2	Lê Quốc Anh	Thành viên	0	0%
3	Lê Thị Hạnh	Thành viên	2.288.900	8,03%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của Công ty. Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và bộ phận quản lý công ty.

Theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết HĐQT của Ban Tổng giám đốc và bộ phận quản lý công ty.

Phối hợp với HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán BCTC công ty.

Thường xuyên trao đổi cùng HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý sản xuất và điều hành công ty, tuân thủ đúng điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng và các khoản lợi ích

Dvt: đồng

STT	Chức vụ	Lương/ tháng	Thưởng	Các khoản lợi ích khác
1	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	-	-
2	Ủy viên HĐQT	5.000.000	-	-
3	Trưởng Ban kiểm soát	7.000.000	-	-
4	Thành viên BKS	3.000.000	-	-

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thị Hạnh	1.250.000	4,39%	2.288.900	8,03%	Mua

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ HĐQT thông qua	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch
-----	---------------------	-----------------------------------	---------------------------------	----------------------	--------------------	------------------------

1	Lê Thị Thu Hường	Thành viên HĐQT độc lập	Tháng 12/2021	Nghị quyết số 28/2021/NQ- TTE về việc phê duyệt phương án sử dụng nguồn vốn trái phiếu riêng lẻ năm 2021	Mua cổ phần của Bà Lê Thị Thu Hường tại Công ty CP Thủy điện Huổi Vang Thành Bưởi (cổ phần chưa niêm yết)	52,8 tỷ đồng
2	Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT	Tháng 12/2021	Nghị quyết số 28/2021/NQ- TTE về việc phê duyệt phương án sử dụng nguồn vốn trái phiếu riêng lẻ năm 2021	Mua cổ phần của Ông Trần Văn Hải tại Công ty CP Đầu tư thủy điện Đá Đen (cổ phần chưa niêm yết)	77,4 tỷ đồng

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ các quy định của pháp luật về quản trị, thực hiện CBTT đầy đủ, kịp thời. Việc quản trị công ty luôn được đảm bảo theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ nhằm đảm bảo công ty được vận hành suôn sẻ, theo

đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của các cổ đông, tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hằng năm, tạo điều kiện cho CBCNV thể hiện năng lực, học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn, nâng cao đời sống cán bộ, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Đính kèm chi tiết Báo cáo tài chính hợp nhất 2021 đã được kiểm toán. Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã kiểm toán được đăng trên website Công ty: www.dientruongthinh.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công bố thông tin;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Lưu vt.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN QUÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG
TRƯỜNG THỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
Đã được kiểm toán**



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 đăng ký lần đầu ngày 21/05/2014, đăng ký thay đổi lần 08 ngày 06/01/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 thay đổi lần 08 ngày 06/01/2021 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại sàn giao dịch HOSE với mã chứng khoán TTE.

Trụ sở chính của Công ty tại 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đinh Xuân Hoàng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Văn Hải	Thành viên
Ông Trần Quang Chung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/01/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Quang Chung	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/01/2021)
Ông Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 04/01/2021)
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban kiểm soát
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên
Ông Lê Quốc Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

- đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Kon Tum, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân



Số : 372/BCKT/TC/NV7

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh lập ngày 25/03/2022, được trình bày từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 29/04/2021.



TRẦN TRÍ DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số: 0895-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

TRẦN MẠNH ĐỨC

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số: 4884-2019-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.796.102.678	80.848.806.445
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	58.478.316.041	17.580.828.180
1. Tiền	111		58.478.316.041	17.580.828.180
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.884.110.846	62.439.383.611
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	32.523.267.015	25.844.200.635
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	5.818.680.749	1.083.905.455
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	542.163.082	35.511.277.521
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		433.675.791	828.594.654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	433.675.791	828.594.654
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.000.821.733.217	864.409.924.381
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		53.747.965	600.183.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	53.747.965	600.183.000
II. Tài sản cố định	220		822.775.599.616	861.119.468.523
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	822.775.599.616	861.119.468.523
- Nguyên giá	222		1.146.997.776.643	1.145.900.595.929
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(324.222.177.027)	(284.781.127.406)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.06	172.800.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		172.800.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.192.385.636	2.690.272.858
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	4.705.903.283	2.094.672.968
2. Lợi thế thương mại	269	V.08	486.482.353	595.599.890
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.098.617.835.895	945.258.730.826

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

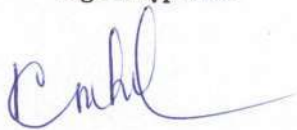
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		798.989.941.838	674.698.737.218
I. Nợ ngắn hạn	310		97.451.170.507	149.030.914.898
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	1.129.819.718	1.326.129.173
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	8.628.934.959	16.027.229.048
3. Phải trả người lao động	314		601.375.104	705.995.177
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	15.543.900.991	3.899.807.473
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.614.019.228	6.973.983.257
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	69.409.603.606	119.435.853.869
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		523.516.901	661.916.901
II. Nợ dài hạn	330		701.538.771.331	525.667.822.320
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	701.538.771.331	523.494.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	2.173.822.320
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		299.627.894.057	270.559.993.608
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	299.627.894.057	270.559.993.608
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.937.966.738	(17.518.316.880)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.518.316.880)	14.777.147.909
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		27.456.283.618	(32.295.464.789)
3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		4.785.927.319	3.174.310.488
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.098.617.835.895	945.258.730.826

Kon Tum, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Long

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

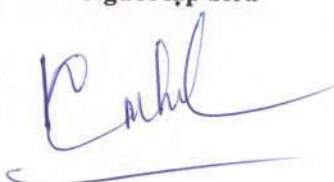
Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	143.283.066.499	112.924.336.282
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		143.283.066.499	112.924.336.282
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	51.562.596.119	66.461.033.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.720.470.380	46.463.302.913
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	8.110.768.902	43.573.254
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	69.167.215.874	71.057.159.203
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		68.707.848.202	71.057.159.203
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	4.777.121.445	4.647.834.505
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.886.901.963	(29.198.117.541)
12. Thu nhập khác	31	VI.06	38.410.242	33.685.035
13. Chi phí khác	32	VI.07	211.829.248	1.374.098.742
14. Lợi nhuận khác	40		(173.419.006)	(1.340.413.707)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.713.482.957	(30.538.531.248)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	119.404.828	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.09	(2.173.822.320)	2.173.822.320
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		27.767.900.449	(32.712.353.568)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		27.456.283.618	(32.295.464.789)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		311.616.831	(416.888.779)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	964	(1.134)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	964	(1.134)

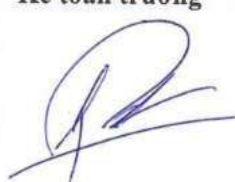
Kon Tum, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Long

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền



Tổng Giám đốc

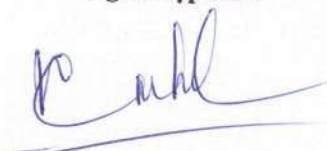
Nguyễn Văn Quân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.713.482.957	(30.538.531.248)
2. Điều chỉnh cho các khoản		93.959.214.130	126.529.789.524
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	39.550.167.158	55.516.203.575
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.110.768.902)	(43.573.254)
- Chi phí lãi vay	06	62.519.815.874	71.057.159.203
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	119.672.697.087	95.991.258.276
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	32.120.207.800	(72.436.476.321)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	1.317.272.662	33.970.769.678
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.216.311.452)	260.015.437
- Tiền lãi vay đã trả	14	(70.870.994.430)	(66.999.479.770)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(688.625.390)	(432.239.370)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(138.400.000)	(348.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	79.195.846.277	(9.994.852.070)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.097.180.714)	(850.290.909)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(212.300.000.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	39.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	92.268.902	43.573.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(173.804.911.812)	(806.717.655)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CHS (cổ đông không kiểm soát ở công ty con)	31	1.300.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	252.340.655.000	40.155.587.822
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(118.134.101.604)	(43.119.733.953)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(17.303.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	135.506.553.396	(20.267.186.131)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	40.897.487.861	(31.068.755.856)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.580.828.180	48.649.584.036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	58.478.316.041	17.580.828.180

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Long

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Kon Tum, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 đăng ký lần đầu ngày 21/05/2014, đăng ký thay đổi lần 08 ngày 06/01/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 thay đổi lần 08 ngày 06/01/2021 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại sàn giao dịch HOSE với mã chứng khoán TTE.

Trụ sở chính của Công ty tại 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 43 người (tại ngày 01/01/2021 là 41 người).

Công ty đang quản lý và vận hành 04 dự án nhà máy thủy điện, cụ thể:

- Nhà máy thủy điện Đăk Ne theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000013 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/04/2008, điều chỉnh lần thứ 05 ngày 10/12/2021, quy mô công suất 8.1 MW, thời gian thực hiện dự án: 49 năm (bốn mươi chín năm) kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu;
- Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Giấy chứng nhận đầu tư số 21/CN-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 11/05/2009, điều chỉnh lần thứ 05 ngày 31/12/2019 với mã số dự án 5200631540, quy mô công suất 3 MW, thời gian thực hiện dự án: 50 năm (năm mươi năm) kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư;
- Nhà máy thủy điện Đăk Pia theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000025 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 03/06/2009, điều chỉnh lần thứ 02 ngày 28/01/2022, quy mô công suất 2,2 MW, thời gian thực hiện dự án: 50 năm (năm mươi năm) kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu;
- Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000117 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 01/08/2012, điều chỉnh lần thứ 03 ngày 28/01/2022, quy mô công suất 15 MW, thời gian thực hiện dự án: 50 năm (năm mươi năm) kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Thủy lợi) ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện ;

- Khai thác cát, đá và sỏi, đất sét ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng : hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thuyền lợi, điện, cấp thoát nước và viễn thông).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty bao gồm trụ sở chính tại 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, công ty con, công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty, đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con			
Công ty TNHH Trung Việt	507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Thôn 16, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	31,18%
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi	Số nhà 48, Tổ dân phố 6, Phường Thanh Bình, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,40%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, Phường 8, TP Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	43%

Đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Tầng 4 tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	

Tổng số các công ty con tại thời điểm 31/12/2021: 01 công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất:	01 công ty
Số lượng các công ty con không được hợp nhất:	0 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH Trung Việt

Vốn điều lệ: 239.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,00%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,00%

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

3. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 30 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 08 năm |

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;

- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn sản phẩm điện bao gồm: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung và các chi phí khác được ghi nhận phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng

khoản kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công ty được ưu đãi về thuế TNDN đối với dự án nhà máy Thủy điện Đăk Ne và dự án nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1. Cụ thể :

+ Nhà máy thủy điện Đăk Ne: Do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên cũ là Công ty Thủy điện Đăk Ne) được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát và nhà máy Thủy điện Đăk Ne, sau đó bàn giao lại cho Công ty Thủy điện Đăk Ne vận hành. Theo quy định tại khoản 3 điều 20, nghị định số 118/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đăk Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế TNDN còn lại của Công ty Cổ phần Tấn Phát, cụ thể:

- Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 11 năm kể từ năm 2014
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo theo kể từ năm 2014.

Năm 2021 là năm thứ 8 Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động của nhà máy Thủy điện Đăk Ne.

+ Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1: Công ty được ưu đãi về thuế TNDN đối với dự án nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000117 do UBND tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 01/08/2012, thay đổi lần thứ nhất ngày 14/01/2014. Dự án này nằm trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính Phủ. Công ty được miễn thuế 04 năm (năm 2021 là năm thứ 4

được miễn thuế), giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính Phủ.

Năm 2021, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất hiện hành 10% đối với thu nhập từ hoạt động của nhà máy thủy điện Đăk Ne đồng thời giảm 50% số thuế phải nộp; miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% đối với các hoạt động khác.

Năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo hướng dẫn của nghị quyết số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021, áp dụng đối với doanh nghiệp có doanh thu tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

16. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con mà Công ty mẹ giữ quyền kiểm soát được lập cho cùng kỳ kế toán đã được kiểm toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ và Công ty con là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu kể cả cả khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2021	01/01/2021
1 . Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt tại quỹ	148.533.436	33.086.353
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.329.782.605	17.547.741.827
Cộng	58.478.316.041	17.580.828.180
2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn		
a) Phải thu khách hàng	32.523.267.015	25.844.200.635
- Tổng công ty Điện lực Miền Trung	24.504.767.015	25.844.200.635
- Bà Nguyễn Thị Hồng	8.018.500.000	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	32.523.267.015	25.844.200.635
3 . Trả trước người bán ngắn hạn		
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.818.680.749	1.083.905.455
- Công ty TNHH tư vấn xây dựng CLC	-	422.266.550
- Trung tâm thông tin - kinh tế tài nguyên nước	-	132.000.000
- Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật TDMN	351.043.000	181.028.000
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	57.750.000	57.750.000
- Công Ty TNHH tư vấn xây dựng 78	535.260.000	-
- Công ty CP ĐT TM & DV SPE Việt Nam	4.324.001.000	-
- Công ty TNHH Công Nghệ Cao Nguyên	-	178.610.905
- Trả trước cho người bán khác	550.626.749	112.250.000
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	5.818.680.749	1.083.905.455
4 . Các khoản phải thu khác		
a. Ngắn hạn	542.163.082	35.511.277.521
- Phải thu tạm ứng:	542.163.082	33.478.794.014
+ Ông Hồ Thanh Tiến	297.779.899	12.027.774.240
+ Ông Trịnh Đức Hải	-	1.500.000.000
+ Ông Vũ Hoài Sơn	-	12.911.000.000
+ Ông Hoàng Việt Đông	-	2.301.020.000
+ Ông Nguyễn Trọng Khải	-	2.550.000.001
+ Ông Lê Văn Khoa	-	52.108.621
+ Đối tượng khác	244.383.183	2.136.891.152
- Phải thu tạm ứng là các bên liên quan:	-	2.032.483.507
+ Ông Hoàng Hữu Điền	-	1.730.564.607
+ Ông Trần Quang Chung	-	301.918.900
b. Dài hạn	53.747.965	600.183.000
- Tạm ứng	-	383.150.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn (thuê nhà)	53.747.965	217.033.000
Cộng	595.911.047	36.111.460.521

5 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tổng Cộng
Nguyên giá TSCĐ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm	845.688.285.352	294.632.096.592	5.456.902.893	123.311.092	1.145.900.595.929
Số tăng trong năm	-	30.600.000	-	1.066.580.714	1.097.180.714
Mua trong năm	-	30.600.000	-	1.066.580.714	1.097.180.714
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	845.688.285.352	294.662.696.592	5.456.902.893	1.189.891.806	1.146.997.776.643
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm	189.616.989.352	91.958.338.197	3.082.488.765	123.311.092	284.781.127.406
Số tăng trong năm	23.645.626.464	15.000.571.596	740.888.809	53.962.752	39.441.049.621
Khấu hao trong năm	23.645.626.464	15.000.571.596	740.888.809	53.962.752	39.441.049.621
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	213.262.615.816	106.958.909.793	3.823.377.574	177.273.844	324.222.177.027
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
Tại ngày đầu năm	656.071.296.000	202.673.758.395	2.374.414.128	-	861.119.468.523
Tại ngày cuối năm	632.425.669.536	187.703.786.799	1.633.525.319	1.012.617.962	822.775.599.616

(*) Khấu hao trong năm bao gồm 39.369.124.981 VND là chi phí khấu hao được trừ và 71.924.640 VND là chi phí khấu hao không được trừ khi tính thuế TNDN, do phần chênh lệch giữa Báo cáo quyết toán xây dựng hoàn thành và phần ghi nhận chi phí hoàn thành của Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1.

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 1.249.963.746 VND (tại ngày 01/01/2021 là 436.827.541 VND)

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2021 là 819.571.267.453 VND (tại ngày 01/01/2021 là 858.092.484.808 VND)

6 . Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	172.800.000.000	-	-	-	-	-
+ CTy CP Điện Bình Thủy Lâm Đồng (1)	68.640.000.000	-	-	-	-	-
+ CTy CP Thủy Điện Huổi Vang- Thành Bưởi (2)	42.240.000.000	-	-	-	-	-
+ CTy CP Đầu Tư Thủy Điện Đá Đen (3)	61.920.000.000	-	-	-	-	-
Cộng	172.800.000.000	-	-	-	-	-

(1): Khoản đầu tư này chiếm 31,18% vốn góp của Công Ty CP Điện Bình Thủy Lâm Đồng. Trong năm 2021, Công ty nhận chuyển nhượng 5.632.500 cổ phần, với giá mua 16.000 đồng/cổ phần của ông Võ Hoàng Giang theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/TTCN-HVTB ngày 02/12/2021; Công ty đã thanh toán 80% giá trị chuyển nhượng, tương đương 68.640.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng. Hoạt động kinh doanh chính của Công Ty CP Điện Bình Thủy Lâm Đồng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(2): Khoản đầu tư này chiếm 38,40% vốn góp của Công Ty CP Thủy Điện Huổi Vang - Thành Bưởi. Trong năm 2021, Công ty nhận chuyển nhượng 4.800.000 cổ phần, với giá mua 11.000 đồng/cổ phần của bà Lê Thị Thu Hường theo hợp đồng chuyển nhượng số 02/2021/TTCN-HVTB ngày 03/12/2021; Công ty đã thanh toán 80% giá trị chuyển nhượng, tương đương 42.240.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng. Hoạt động kinh doanh chính của Công Ty CP Thủy Điện Huổi Vang - Thành Bưởi là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(3): Khoản đầu tư này chiếm 43,00% vốn góp của Công Ty CP Thủy Điện Đá Đen. Trong năm 2021, Công ty nhận chuyển nhượng 3.870.000 cổ phần, với giá mua 20.000 đồng/cổ phần của ông Trần Văn Hải theo hợp đồng chuyển nhượng số 03/2021/TTCN-HVTB ngày 04/12/2021; Công ty đã thanh toán 80% giá trị chuyển nhượng, tương đương 61.920.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng. Hoạt động kinh doanh chính của Công Ty CP Thủy Điện Đá Đen là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7 . Chi phí trả trước	31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	433.675.791	828.594.654
- Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà máy	309.004.582	764.121.926
- Chi phí thuê văn phòng	124.671.209	64.472.728
b. Dài hạn	4.705.903.283	2.094.672.968
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.221.403.118	151.318.579
- Chi phí sửa chữa nhà chờ phân bổ	3.484.500.165	1.050.702.228
- Chi phí chờ phân bổ khác	-	892.652.161
Cộng	5.139.579.074	2.923.267.622

8 . Lợi thế thương mại	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	595.599.890	704.717.427
Phân bổ trong năm	109.117.537	109.117.537
Số dư cuối năm	486.482.353	595.599.890

9 . Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	1.129.819.718	1.129.819.718	1.326.129.173	1.326.129.173
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng điện	587.171.818	587.171.818	587.171.818	587.171.818
- Công ty Cổ phần Tấn phát	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
- Công ty CP TV và Xây Lắp Miền Trung	-	-	162.260.000	162.260.000
- Công ty TNHH tư vấn xây dựng CLC	68.976.000	68.976.000	-	-
- Nguyễn Văn Khánh	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
- Công ty CP Đo đạc và bản đồ HNT	36.818.182	36.818.182	36.818.182	36.818.182
- Đối tượng khác	186.853.718	186.853.718	289.879.173	289.879.173
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	1.129.819.718	1.129.819.718	1.326.129.173	1.326.129.173

10 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2021		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong kỳ/ Biến động giảm khác	01/01/2021	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	4.082.588.454	17.088.293.224	19.882.294.397	-	6.876.589.627
Thuế TNDN (*)	-	119.404.828	119.404.828	832.531.347	-	832.531.347
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.751.566	99.194.674	886.935.765	-	812.492.657
Thuế tài nguyên	-	2.132.523.989	12.134.126.165	16.117.184.537	-	6.115.582.361
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.269.666.122	7.859.764.152	6.980.131.086	-	1.390.033.056
Cộng	-	8.628.934.959	37.308.783.043	44.707.077.132	-	16.027.229.048

(*) Trong đó:

- Thuế TNDN đã nộp	688.625.390
- Điều chỉnh khác	143.905.957
Cộng	832.531.347

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí lãi vay phải trả	8.626.500.991	3.899.807.473
Chi phí phát hành trái phiếu	6.917.400.000	-
Cộng	15.543.900.991	3.899.807.473

12 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	15.121.741
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.564	18.318.232
- Phải trả khác	1.614.016.664	6.940.543.284
+ Chi phí lãi vay phải trả	-	6.889.839.746
+ Phải trả khác	1.614.016.664	50.703.538
Cộng	1.614.019.228	6.973.983.257

13 . Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2021
13.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	69.409.603.606	93.557.851.341	143.584.101.604	119.435.853.869
a, Vay ngắn hạn	2.459.603.606	2.440.655.000	40.136.051.394	40.155.000.000
<i>Vay cá nhân (4)</i>	<i>2.459.603.606</i>	<i>2.440.655.000</i>	<i>40.136.051.394</i>	<i>40.155.000.000</i>
b, Nợ dài hạn đến hạn trả	66.950.000.000	91.117.196.341	103.448.050.210	79.280.853.869
<i>Ngân hàng NN & PT NT - Chi nhánh Kon Tum (1)</i>	<i>10.050.000.000</i>	<i>10.117.196.341</i>	<i>9.500.000.000</i>	<i>9.432.803.659</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội (2)</i>	-	-	<i>28.600.000.000</i>	<i>28.600.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đà Nẵng (2)</i>	<i>24.400.000.000</i>	<i>48.500.000.000</i>	<i>24.100.000.000</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Buôn Mê Thuột (3)</i>	<i>32.500.000.000</i>	<i>32.500.000.000</i>	<i>41.248.050.210</i>	<i>41.248.050.210</i>
13.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	701.538.771.331	384.100.000.000	206.055.228.669	523.494.000.000
a, Vay dài hạn	457.976.803.659	134.200.000.000	199.717.196.341	523.494.000.000
<i>Ngân hàng NN & PT NT - Chi nhánh Kon Tum (1)</i>	<i>66.676.803.659</i>	-	<i>10.117.196.341</i>	<i>76.794.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội (2)</i>	-	-	<i>132.700.000.000</i>	<i>132.700.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đà Nẵng (2)</i>	<i>109.800.000.000</i>	<i>134.200.000.000</i>	<i>24.400.000.000</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Buôn Mê Thuột (3)</i>	<i>281.500.000.000</i>	-	<i>32.500.000.000</i>	<i>314.000.000.000</i>

b, Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn				
c, Trái phiếu phát hành	243.561.967.672	249.900.000.000	6.338.032.328	-
<i>Trái phiếu phát hành (5)</i>	<i>243.561.967.672</i>	<i>249.900.000.000</i>	<i>6.338.032.328</i>	
13.3 Số có khả năng trả nợ	770.948.374.937			642.929.853.869
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	69.409.603.606			119.435.853.869
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	701.538.771.331			523.494.000.000

Trong đó vay từ các bên liên quan:

	31/12/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2021
Bà Nguyễn Thị Kim Long	1.409.603.606	1.390.655.000	20.981.051.394	21.000.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:

(1) Bao gồm 2 hợp đồng vay:

- Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum theo hợp đồng tín dụng số 5100-LAV-300900523 ngày 12/06/2009 với thời hạn vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên; mục đích đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Đăk Pia, theo các phụ lục hợp đồng sửa đổi tín dụng, nợ gốc bắt đầu từ ngày 25/06/2013. Khoản vay này chịu lãi suất cho vay có điều chỉnh, được tính bằng lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam, 12 tháng (lãi trả sau) của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum cộng 3%/năm, tối đa bằng bằng lãi suất trần theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Lãi suất được điều chỉnh tối đa 03 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, là toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đăk Pia.

- Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTĐ-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn vay cho vay 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng nhà máy Thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh) và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay này chịu lãi suất theo hình thức thả nổi, được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị công trình Thủy điện Tà Vi tại thôn 2 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

(2) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTĐH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay cho vay 144 tháng, với mục đích tái tài trợ và sửa chữa nhà máy thủy điện Đăk Ne. Lãi suất vay là lãi biến động và kỳ điều chỉnh được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng theo thông báo của VAB tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ giá trị nhà máy thủy điện Đăk Ne. Năm 2021, Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội chuyển khoản cho vay về cho chi nhánh Đà Nẵng quản lý.

(3) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Việt Á - Chi nhánh Buôn Mê Thuột theo hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTĐHDN ngày 15/05/2015 với thời hạn 14 năm kể từ ngày 15/05/2015 đến ngày 15/05/2029, mục đích vay đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Đăk Bla1. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất thông thường của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Thời hạn trả nợ gốc bắt đầu từ ngày 15/05/2018. Ngày 31/12/2016 hai bên đã ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTĐHDN-PL01 với việc điều chỉnh số tiền cho vay lên 395.000.000.000 VND. Thời gian vay không thay đổi, chỉ được ân hạn gốc là 24 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu (Trong thời gian 2 năm xây dựng). Ngày 10/09/2017 hai bên ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTĐHDN-PL03 về việc điều chỉnh thời hạn vay, thời gian trả lãi và gốc vay.

- Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay, là toàn bộ tài sản gắn liền với đất và toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Bla1. Quyền tài sản phát sinh từ việc đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Bla1 bao gồm: quyền phát sinh từ các khoản phải thu theo hợp đồng mua bán điện; quyền phát sinh từ các nguồn thu có được từ việc thực hiện cơ chế phát triển sạch (CDM); quyền phát sinh từ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

(4) Bao gồm các hợp đồng vay cá nhân (bà Nguyễn Thị Kim Long và ông Hồ Thanh Tiến); mục đích: sử dụng cho hoạt động kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép; lãi suất 3%/năm thanh toán 1 lần khi đáo hạn; thời hạn cho vay 12 tháng tính cho toàn bộ khoản mượn và tính từ ngày nhận khoản mượn tiền đầu tiên.

(5) Theo hợp đồng dịch vụ phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HĐĐL/NSI-TTE ngày 05/10/2021 giữa công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia và Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021: mã trái phiếu: TTEH2124001; hình thức trái phiếu: bút toán ghi sổ; hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ; phương thức phát hành: đại lý phát hành; loại chứng khoán: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu; số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu; số liệu trái phiếu phát hành thành công: 2.499 trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng kể từ ngày phát hành, ngày phát hành 19/10/2021, ngày đáo hạn 19/10/2024; lãi suất danh nghĩa trái phiếu: 11%/năm; lãi suất thực tế phát hành: 11%/năm; kỳ hạn trả lãi: 6 tháng; số lượng nhà đầu tư tham gia mua trái phiếu: 82 nhà đầu tư; mục đích phát hành: bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư; tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị 442,5 tỷ đồng (theo chứng thư thẩm định giá số 58.2/2021/CTTĐG-CPAHN do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội phát hành ngày 05/10/2021).

14 . Vốn chủ sở hữu

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2020	284.904.000.000	31.430.349.871	3.582.198.491	319.916.548.362
Tăng vốn năm trước	-	(31.854.426.751)	(407.888.003)	(32.262.314.754)
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	(32.295.464.789)	(416.888.779)	(32.712.353.568)
Tăng khác (*)	-	441.038.038	9.000.776	450.038.814
Giảm vốn năm trước	-	17.094.240.000	-	17.094.240.000
Chia cổ tức	-	17.094.240.000	-	17.094.240.000
Số dư tại 31/12/2020	284.904.000.000	(17.518.316.880)	3.174.310.488	270.559.993.608
Số dư tại 01/01/2021	284.904.000.000	(17.518.316.880)	3.174.310.488	270.559.993.608
Tăng vốn năm nay	-	27.456.283.618	1.611.616.831	29.067.900.449
Tăng vốn	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	27.456.283.618	311.616.831	27.767.900.449
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	284.904.000.000	9.937.966.738	4.785.927.319	299.627.894.057

(*) Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm 2019 do bù trừ lãi, lỗ giữa hai nhà máy Đak Bla 1 và Đak Pia.

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Đầu tư & TM XNK HFC Việt Nam	13.500.000.000	13.500.000.000
Ông Lê Minh Đôn	12.520.300.000	12.520.300.000
Bà Lê Thị Hạnh	12.500.000.000	12.500.000.000
Bà Nguyễn Thu Hằng	13.675.000.000	13.675.000.000
Các cổ đông khác	232.708.700.000	232.708.700.000
Cộng	284.904.000.000	284.904.000.000

14.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	284.904.000.000	284.904.000.000
+ Vốn góp cuối năm	284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	17.094.240.000

14.4. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	28.490.400	28.490.400
- Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
- Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Đồng

	Năm nay	Năm trước
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán điện		
- Nhà máy thủy điện Đăk Ne	53.091.072.012	41.108.359.161
- Nhà máy thủy điện Tà Vi	11.794.671.657	8.959.854.802
- Nhà máy thủy điện Đăk Pia	13.885.703.085	12.017.310.307
- Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	64.511.619.745	50.838.812.012
Cộng	143.283.066.499	112.924.336.282
2 . Giá vốn hàng bán		
Giá vốn bán điện		
- Nhà máy thủy điện Đăk Ne	16.373.404.702	23.854.790.912
- Nhà máy thủy điện Tà Vi	6.591.846.083	5.993.500.886
- Nhà máy thủy điện Đăk Pia	5.647.137.089	6.908.048.643
- Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	22.950.208.245	29.704.692.928
Cộng	51.562.596.119	66.461.033.369
3 . Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	92.268.902	43.573.254
- Lãi do bán các khoản đầu tư (*)	8.018.500.000	-
Cộng	8.110.768.902	43.573.254
(*) Chuyển nhượng 395.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Biên Sông Hồng; giá bán 47.518.500.000 đồng, giá gốc 39.500.000.000 đồng, lãi 8.018.500.000 đồng.		
4 . Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	68.707.848.202	71.057.159.203
- Chi phí phát hành trái phiếu	459.367.672	
Cộng	69.167.215.874	71.057.159.203
5 . Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.126.454.108	2.828.588.215
- Chi phí đồ dùng văn phòng	10.548.935	31.831.456
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.531.820	188.531.820
- Thuế, phí, lệ phí	39.247.727	40.309.353
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.324.311	692.314.522
- Chi phí bằng tiền khác	1.279.897.007	757.141.602
- Lợi thế thương mại được phân bổ	109.117.537	109.117.537
Cộng	4.777.121.445	4.647.834.505
6 . Thu nhập khác		
- Xử lý công nợ	-	24.837.536
- Thu nhập khác	38.410.242	8.847.499
Cộng	38.410.242	33.685.035

	Năm nay	Năm trước
7 . Chi phí khác		
- Xử lý công nợ	-	930.288.524
- Các khoản phạt vi phạm hành chính	12.268.942	-
- Chi phí khác	199.560.306	443.810.218
Cộng	211.829.248	1.374.098.742
8 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh	119.404.828	-
- Công ty TNHH Trung Việt	-	-
Cộng	119.404.828	-
9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.173.822.320)	2.173.822.320
Cộng	(2.173.822.320)	2.173.822.320
10 . Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế	27.456.283.618	(32.295.464.789)
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	28.490.400	28.490.400
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	964	(1.134)
11 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.034.935	7.769.388
Chi phí nhân công	8.356.194.378	7.816.974.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.441.049.621	55.444.278.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.507.723.909	3.741.313.784
Chi phí khác bằng tiền	6.915.597.184	4.098.531.353
Cộng	56.230.600.027	71.108.867.874

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Thành viên HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi
Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen

Mối quan hệ

Thành viên chủ chốt
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

3.2 Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Nội dung	Năm nay
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
1	Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Đầu tư, góp vốn	68.640.000.000
2	Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi	Đầu tư, góp vốn	42.240.000.000
3	Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen	Đầu tư, góp vốn	61.920.000.000
b. Tạm ứng			
1	Ông Hoàng Hữu Điền	Tạm ứng	2.148.178.122
2	Ông Hoàng Hữu Điền	Hoàn ứng	3.878.742.729
3	Ông Trần Quang Chung (Miễn nhiệm ngày 04/01/2021)	Hoàn ứng	301.918.900
c. Vay và nợ thuê tài chính			
1	Bà Nguyễn Thị Kim Long	Chi trả gốc vay	20.981.051.394
2	Bà Nguyễn Thị Kim Long	Thu tiền vay	1.390.655.000
3	Bà Lê Thị Hạnh	Chi trả gốc vay	2.000.000.000
d. Chi phí lãi vay			
1	Bà Nguyễn Thị Kim Long	Lãi vay phải trả	605.698.663
2	Bà Lê Thị Hạnh	Lãi vay phải trả	57.863.014

3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

TT	Các bên liên quan	31/12/2021	01/01/2021
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
1	Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	68.640.000.000	
2	Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi	42.240.000.000	
3	Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen	61.920.000.000	
b. Tạm ứng			
1	Ông Hoàng Hữu Điền	-	1.730.564.607
2	Ông Trần Quang Chung (Miễn nhiệm ngày 04/01/2021)	-	301.918.900
Cộng		-	2.032.483.507
c. Vay và nợ thuê tài chính			
1	Bà Nguyễn Thị Kim Long	1.409.603.606	21.000.000.000
2	Bà Lê Thị Hạnh	-	2.000.000.000
Cộng		1.409.603.606	23.000.000.000

3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

TT	Bộ phận	Chức danh	Thu nhập
1	Hội đồng quản trị		300.000.000
	- Ông Đinh Xuân Hoàng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	120.000.000
	- Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên	60.000.000
	- Ông Trần Văn Hải	Thành viên	60.000.000
	- Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên	60.000.000
2	Ban Tổng Giám đốc		431.800.000
	- Ông Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc	30.000.000
	- Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc	401.800.000

TT	Bộ phận	Chức danh	Thu nhập
3	Ban Kiểm soát		156.000.000
	- Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban kiểm soát	84.000.000
	- Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	36.000.000
	- Ông Lê Quốc Anh	Thành viên	36.000.000
	Cộng		887.800.000

4 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhà máy thủy điện của Công ty được xây dựng và vận hành tại tỉnh Kon Tum (nhà máy thủy điện Đăk Ne, Đăk Pia và Đăk Bla1) và tỉnh Quảng Nam (nhà máy thủy điện Tà Vi), do đó Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực chi tiết được trình bày tại phụ lục số 01 (trang 31-32)

5 . Thông tin so sánh

- Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Long

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Điền

Kon Tum, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

Phụ lục số 01: Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Đơn vị tính: đồng	
	Tại tỉnh Kon Tum (Đăk Ne + Đăk Pia + Đăk Bla I)	Tại tỉnh Quảng Nam (Tà Vi)
Năm 2020		
Doanh thu bán hàng	103.964.481.480	8.959.854.802
Tổng doanh thu bộ phận	103.964.481.480	8.959.854.802
Kết quả kinh doanh bộ phận	43.496.948.997	2.966.353.916
Chi phí phân bổ	68.377.552.629	7.174.750.288
Chi phí không phân bổ		109.117.537
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	(24.880.603.632)	(4.208.396.372)
Thu nhập khác	28.939.860	4.745.175
Chi phí khác	1.223.117.644	150.981.098
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.374.098.742
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	2.173.822.320
	(26.074.781.416)	(4.354.632.295)
Năm 2021		
Doanh thu bán hàng	131.488.394.842	11.794.671.657
Tổng doanh thu bộ phận	131.488.394.842	11.794.671.657
Kết quả kinh doanh bộ phận	86.517.644.806	5.202.825.574
Chi phí phân bổ	58.638.576.643	7.085.874.237
Chi phí không phân bổ		109.117.537
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	27.879.068.163	(1.883.048.663)
Thu nhập khác	35.248.416	3.161.826
Chi phí khác	194.392.041	17.437.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.885.303.441)	(169.114.051)
Lợi nhuận thuần sau thuế	29.605.227.978	(1.728.209.992)
		27.767.900.449

Phụ lục số 01: Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tại ngày 31/12/2020				
Tài sản của bộ phận	773.076.821.140	85.667.510.075	858.744.331.215	
Tài sản không phân bổ	-	-	86.514.399.611	
Tổng tài sản	621.165.522.682	53.533.214.536	945.258.730.826	
Nợ phải trả của bộ phận	-	-	674.698.737.218	
Các khoản nợ không phân bổ	-	-	-	
Tổng nợ phải trả	621.165.522.682	53.533.214.536	674.698.737.218	
Tại ngày 31/12/2021				
Tài sản của bộ phận	627.988.776.090	192.139.535.944	820.128.312.034	
Tài sản không phân bổ	-	-	278.489.523.861	
Tổng tài sản	733.219.266.688	65.770.675.150	1.098.617.835.895	
Nợ phải trả của bộ phận	-	-	798.989.941.838	
Các khoản nợ không phân bổ	-	-	-	
Tổng nợ phải trả	733.219.266.688	65.770.675.150	798.989.941.838	